

ĐỀ THI HỌC KÌ 2 – ĐỀ SỐ 1

MÔN: TIẾNG ANH 11 CHƯƠNG TRÌNH MỚI



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. D	6. A	11. C	16. C	21. F	26. B	31. D
2. D	7. B	12. D	17. B	22. T	27. A	32. B
3. A	8. C	13. C	18. A	23. F	28. C	33. C
4. B	9. A	14. A	19. C	24. F	29. B	34. A
5. A	10. B	15. D	20. B	25. T	30. D	35. D

36. If you press this button, the machine stops.

37. The doctor advised me to lose weight.

38. Mary apologized to Jack for not going to his birthday party the next Saturday evening.

39. Having read the stories about people who reduced their carbon footprint, we started to change our daily consumption habits.

40. It took Chiara years to pass the First Certificate exam.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1. D

Kiến thức: Phát âm “s”**Giải thích:**

islet /'aɪlət/

island /'aɪlənd/

aisle /aɪl/

system /'sɪstəm/

Phần được gạch chân ở câu D phát âm là /s/, còn lại là âm câm.

Chọn D

2. D

Kiến thức: Phát âm “o”**Giải thích:**

dome /dəʊm/

dosage /'dəʊsɪdʒ/

ecosystem /'i:kəʊsɪstəm/

tomb /tu:m/

Phần được gạch chân ở câu D phát âm là /u:/, còn lại phát âm là /əʊ/.

Chọn D

3. A**Kiến thức:** Phát âm “ea”**Giải thích:**

peasant /'pezn̩t/

decrease /di'kri:s/

leaves /li:vz/

peaceful /'pi:sfl/

Phần được gạch chân ở câu A phát âm là /e/, còn lại phát âm là /i:/.

Chọn A

4. B**Kiến thức:** Trọng âm có ba, bốn âm tiết**Giải thích:**

familiar /fə'miliə(r)/

generate /'dʒenəreit/

assignment /ə'saɪnmənt/

pollutant /pə'lu:tənt/

Trọng âm của câu B rơi vào âm thứ nhất, còn lại rơi vào âm thứ hai.

Chọn B

5. A**Kiến thức:** Trọng âm có ba, bốn âm tiết**Giải thích:**

overcrowded /,əʊvə'kraʊdɪd/

inhabitant /ɪn'hæbɪtənt/

geography /dʒi'ɒgrəfi/

convenient /kən'vi:niənt/

Trọng âm của câu A rơi vào âm thứ ba, còn lại rơi vào âm thứ hai.

Chọn A

6. A**Kiến thức:** Trọng âm có hai âm tiết**Giải thích:**

prevent /pri'vent/

injure /'ɪndʒə(r)/

sugar /'ʃʊgə(r)/

fitness /'fɪtnəs/

Trọng âm của câu A rơi vào âm thứ hai, còn lại rơi vào âm thứ nhất.

Chọn A

7. B**Kiến thức:** Từ vựng**Giải thích:**

powerful (adj): mạnh mẽ

optimistic (adj): lạc quan

stagnant (adj): uể oải

pessimistic (adj): bi quan

=> Someone who is **optimistic** is hopeful about the future or the success of something in particular.**Tạm dịch:** Một người lạc quan là người có nhiều hy vọng về tương lai hoặc thành công của một cái gì đó nói riêng.

Chọn B

8. C**Kiến thức:** Từ vựng**Giải thích:**

progress (n): tiến triển, tiến bộ

speed (n): tốc độ

expectation (n): mong đợi

improvement (n): cải thiện

treatment (n): điều trị

=> improvement = progress

Tạm dịch: Cộng đồng y học tiếp tục đạt được tiến bộ trong cuộc chiến chống ung thư.

Chọn C

9. A**Kiến thức:** Giới từ**Giải thích:**

instead of: thay vì

run on sth: vận hành bằng (nguyên liệu/ nhiên liệu gì)

=> Instead **of** petrol, cars will only run **on** solar energy and electricity.**Tạm dịch:** Thay vì xăng, ô tô sẽ chỉ chạy bằng năng lượng mặt trời và điện.

Chọn A

10. B**Kiến thức:** Từ vựng**Giải thích:**

regret + to V: hối hận về việc sắp làm (chưa làm)

regret + V_ing: hối hận vì đã làm điều gì

Khi đề cập đến một hành động đã xảy ra trong quá khứ, ta sử dụng cấu trúc: (to) regret + **having V.p.p**

=> He regretted **having** killed and eaten several rare species.

Tạm dịch: Anh ấy hối hận vì đã giết và ăn thịt một số loài quý hiếm.

Chọn B

11. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- blame something on somebody/something: đổ lỗi cái gì cho ai

- blame somebody/something for doing something: đổ lỗi cho ai vì đã làm gì

Khi đề cập đến một hành động đã xảy ra trong quá khứ, ta sử dụng cấu trúc:

- blame somebody/something for having done something

=> The local authorities were blamed **for having** ignored the pollution issues in the area.

Tạm dịch: Chính quyền địa phương đã bị đổ lỗi cho việc bỏ qua các vấn đề ô nhiễm trong khu vực.

Chọn C

12. D

Kiến thức: Câu hỏi đuôi

Giải thích: Khi câu giới thiệu sử dụng cấu trúc mệnh lệnh cách “Do.../ Don’t” => câu hỏi đuôi “will you”.

=> Don't forget to write to me soon, **will you?**

Tạm dịch: Đừng quên viết thư cho mình sớm nhé?

Chọn D

13. C

Kiến thức: Câu hỏi đuôi

Giải thích:

Câu trần thuật có chủ ngữ “Everyone” => Câu hỏi đuôi dùng đại từ “they”.

Câu trần thuật ở thể khẳng định => câu hỏi đuôi ở thể phủ định

=> Everyone's going to be there, **aren't they?**

Tạm dịch: Mọi người sẽ đến đó đúng không?

Chọn C

14. A

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

infectious disease: bệnh truyền nhiễm

heat-related illness: bệnh liên quan đến nhiệt

headache: đau đầu

stomach ache: đau bụng

=> **Infectious disease** means an illness that can be passed from one person to another, especially through the air people breathe.

Tạm dịch: Bệnh truyền nhiễm có nghĩa là một căn bệnh có thể truyền từ người này sang người khác, đặc biệt là qua không khí người ta thở.

Chọn A

15. D

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

master's degree: bằng thạc sỹ

doctoral degree = doctorate: bằng tiến sỹ

bachelor's degree: bằng cử nhân

=> When finishing an undergraduate course successfully, students can get a **bachelor's degree**.

Tạm dịch: Khi hoàn thành một khóa học đại học thành công, các học sinh có thể nhận được bằng cử nhân.

Chọn D

16. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

damaged (V-ed): hư hỏng

unspoiled (V-ed): chưa bị khai thác, xây dựng

intact = undamaged (adj): không bị phá hủy, còn nguyên vẹn, nguyên sơ

unharmed (adj): không bị làm hại

=> Hoi An Ancient Town is preserved in a remarkably **intact** state.

Tạm dịch: Phố cổ Hội An được bảo tồn trong tình trạng nguyên vẹn đáng kinh ngạc.

Chọn C

17. B

Kiến thức: Thì hiện tại hoàn thành

Giải thích:

Thì hiện tại hoàn thành hành động đã hoàn thành cho tới thời điểm hiện tại mà không đề cập tới nó xảy ra khi nào.

Cấu trúc: S + have/has + V.p.p

=> A Bachelor's degree is a third – year or four – year course you take in undergraduate higher education after you **have finished** further education.

Tạm dịch: Bằng Cử nhân là một khóa học kéo dài từ ba hoặc bốn năm ở bậc dưới bậc học cao hơn sau khi bạn học xong.

Chọn B

18. A

Kiến thức: Cấu trúc với “apologize”

Giải thích:

Cấu trúc: S + apologized + to + O + for (not) + V.ing: xin lỗi ai vì đã (không) làm gì

=> My elder brother apologized to my parents **for not following** the simple lifestyle changes they had told him when he was young.

Tạm dịch: Anh trai tôi đã xin lỗi bố mẹ tôi vì đã không tuân theo những thay đổi lối sống đơn giản mà họ đã nói với anh ấy khi anh ấy còn nhỏ.

Chọn A

19. C

Kiến thức: Hội thoại giao tiếp

Giải thích:

Mai: “Làn da của mình bị xỉn màu và nhờn. Mình nên làm gì bây giờ?”

Liz: “_____”

- A. Mình hoàn toàn đồng ý với bạn.
- B. Không, xin đừng làm thế.
- C. Thử đắp mặt nạ với chiết xuất ngọc trai xem sao?
- D. Chúng ta nên gặp nhau thường xuyên hơn.

Các phản hồi A, B, D không phù hợp.

Chọn C

20. B

Kiến thức: Hội thoại giao tiếp

Giải thích:

Hà: “Bạn đã thử dùng sơ đồ tư duy chưa? Theo kinh nghiệm của mình, đó là cách hay để hệ thống hóa thông tin của bạn.”

Chris: “_____”. Cảm ơn bạn.”

- A. Nếu bạn không phiền
- B. Nghe có vẻ phù hợp với mình đây
- C. Cái gì? Bạn đùa đấy à?
- D. Vâng, làm ơn.

Các phản hồi A, C, D không phù hợp.

Chọn B

21. F

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

The UN report says that harmful effects of greenhouse gases can be eliminated. (*Báo cáo của Liên hợp quốc nói rằng có thể loại bỏ tác hại của khí nhà kính.* C)

Thông tin: A United Nations committee on climate change has just released a report which says that we can control global warming. It believes that we can **limit** the harmful effects of greenhouse gases.

Tạm dịch: Một hội nghị của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu vừa công bố một báo cáo nói rằng chúng ta có thể kiểm soát sự nóng lên toàn cầu. Có thể tin rằng chúng ta có thể hạn chế tác hại của khí nhà kính.

22. T

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Using energy-saving cars and household devices can keep the Earth safe. (*Sử dụng ô tô và thiết bị gia dụng tiết kiệm năng lượng có thể giữ cho Trái đất an toàn.*)

Thông tin: The committee indicates that we can keep our Earth safe by **changing the way we use energy** around the world. Most important is to **introduce more fuel-efficient vehicles and household goods**.

Tạm dịch: Ủy ban chỉ ra rằng chúng ta có thể giữ cho Trái đất của mình an toàn bằng cách thay đổi cách chúng ta sử dụng năng lượng trên toàn thế giới. Quan trọng nhất là giới thiệu các loại xe và hàng gia dụng tiết kiệm nhiên liệu hơn.

23. F.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Tackling climate change will cost 10% of world economic output. (*Giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu sẽ tiêu tốn 10% sản lượng kinh tế thế giới.*)

Thông tin: Mr. Pete Smith, a member of the committee, says: “We can go a long way to addressing this problem at relatively low costs with a range of options.” He calculates that it would cost **less than three per cent** of world economic output by 2030.

Tạm dịch: Ông Pete Smith, một thành viên của ủy ban, nói: “Chúng ta có thể đi một chặng đường dài để giải quyết vấn đề này với chi phí tương đối thấp với một loạt các lựa chọn.” Ông tính toán rằng nó sẽ tiêu tốn ít hơn 3% sản lượng kinh tế thế giới vào năm 2030.

24. F

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Rising temperatures are not such a big problem now. (*Nhiệt độ tăng không phải là một vấn đề lớn bây giờ.*)

Thông tin: The “**big problem**” is **the damage rising temperatures** are doing to the Earth.

Tạm dịch: “Vấn đề lớn” là nhiệt độ gia tăng gây thiệt hại cho Trái đất.

25. T

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

The report emphasizes the need for a wide range of clean technologies. (*Báo cáo nhấn mạnh sự cần thiết của một loạt các công nghệ sạch.*)

Thông tin: The report stresses the urgent need for introducing a wide variety of clean technologies.

Tạm dịch: Báo cáo nhấn mạnh nhu cầu cấp thiết về việc giới thiệu nhiều loại công nghệ sạch.

Transcripts:

A United Nations committee on climate change has just released a report which says that we can control global warming. It believes that we can limit the harmful effects of greenhouse gases. It also says if we use technology and have the right strategies to protect the ozone layer, the atmosphere will not be affected badly. The committee indicates that we can keep our Earth safe by changing the way we use energy around the world. Most important is to introduce more fuel-efficient vehicles and household goods. For this to happen, individuals need to change their lifestyles and spending patterns.

Mr. Pete Smith, a member of the committee, says: "We can go a long way to addressing this problem at relatively low costs with a range of options." He calculates that it would cost less than three per cent of world economic output by 2030. He adds: "We've got a big problem on our hands [but] this report provides governments with a way out." The "big problem" is the damage rising temperatures are doing to the Earth. Increased floods, droughts, rising sea levels, more violent and destructive storms and extinctions of species are just a few things threatening the life of our planet. The report stresses the urgent need for introducing a wide variety of clean technologies. Harlan Watson, head of the U.S. team, warns: "If we continue to do what we are doing, then we are in deep trouble."

26. B

Kiến thức: Giới từ

Giải thích:

effect (on somebody/something): ảnh hưởng đến cái gì

but the fact that visitors spend their money in a variety of ways has a beneficial effect (26) **on** other things too.

Tạm dịch: nhưng thực tế là du khách chi tiền của họ theo nhiều cách khác nhau cũng có ảnh hưởng có lợi cho những thứ khác.

Chọn B

27. A

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

prevent somebody/something from doing something: ngăn cản ai làm việc gì

damage (v): phá hủy

avoid (v): tránh

hurt (v): làm bị thương

and the money spent on local souvenirs can (27) **prevent** local industries from going out of business.

Tạm dịch: và số tiền chi cho quà lưu niệm địa phương có thể ngăn chặn các ngành công nghiệp địa phương bị phá hủy.

Chọn A

28. C

Kiến thức: Liên từ

Giải thích:

However: Tuy nhiên

Therefore: Vì vậy

For example: Ví dụ

Nevertheless: Mặc dù như vậy

Unfortunately, tourism also has disadvantages. **(28) For example**, many of the roads in the Snowdonia area are extremely narrow and tourist cars cause traffic jams.

Tạm dịch: Thật không may, du lịch cũng có những bất lợi. Ví dụ, nhiều con đường trong khu vực Snowdonia rất hẹp và xe du lịch gây ùn tắc giao thông.

Chọn C

29. B

Kiến thức: Cấu trúc với tính từ

Giải thích:

Cấu trúc: make + it + adj + for O + to V: khiến việc gì trở nên như thế nào

Some farmers and local merchants complain that they make it difficult for them **(29) to do** their work as car parks full up during busy periods and many visitors cause obstructions by parking across gateways, etc.

Tạm dịch: Một số nông dân và thương nhân địa phương phàn nàn rằng chúng gây khó khăn cho họ khi làm việc bởi vì bãi đậu xe đầy ắp trong các giờ cao điểm và nhiều du khách gây ra chướng ngại vật bằng cách đỗ xe qua cổng, v.v.

Chọn B

30. D

Kiến thức: Cụm động từ

Giải thích:

wear out: mòn (quần áo)

wear off: dần dần biến mất, mất tác dụng (thuốc)

wear down: nhỏ hoặc mịn dần vì sử dụng nhiều (lốp xe)

wear away: mỏng hoặc thưa thớt dần nhờ được bị mài

Often the grassy surface is **(30) worn away**, leaving rough stone or mud.

Tạm dịch: Thường thì bề mặt cỏ bị mòn, để lại đá thô hoặc bùn.

Chọn D

Dịch bài đọc:

Người ta ước tính rằng ở phía bắc xứ Wales, 30% của tất cả các công việc có thể được quy trực tiếp cho du lịch, nhưng thực tế là du khách tiêu tiền của họ theo nhiều cách khác nhau cũng có ảnh hưởng có lợi cho những

thứ khác. Nhiều cửa hàng trong làng sẽ phải đóng cửa nếu họ không được hỗ trợ bởi thu nhập từ khách du lịch và số tiền chi cho các món quà lưu niệm địa phương có thể ngăn các ngành công nghiệp địa phương bị phá sản.

Thật không may, du lịch cũng có những bất lợi. Ví dụ, nhiều con đường trong khu vực Snowdonia rất hẹp và xe du lịch gây ùn tắc giao thông. Một số nông dân và thương nhân địa phương phàn nàn rằng chúng gây khó khăn cho họ khi họ làm việc vì bãi đậu xe đầy ắp trong các giờ cao điểm và nhiều du khách gây ra chướng ngại vật bằng cách đỗ xe qua công, v.v. Ngoài ra, vào mùa hè, hàng ngàn người sử dụng mạng lưới đường đi bộ trên Snowdon và chân đồi của nó. Thường thì bề mặt cỏ bị mòn, để lại đá thô hoặc bùn. Điều này làm cho các con đường khó nhìn thấy, và nó có thể nguy hiểm khi đi bộ.

31. D

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Chủ đề phù hợp nhất cho đoạn văn này là gì?

- A. UNESCO
- B. Thành công của UNESCO
- C. Sự phát triển của UNESCO
- D. Sự giải cứu của UNESCO

Thông tin: By now, the World Heritage Organisation has protected hundreds of sites ranging from beautiful natural islands to buildings in large cities and ancient ruins. If you're able to visit any of the many protected sites, you'll agree it was worth it.

Tạm dịch: Đến nay, Tổ chức Di sản Thế giới đã bảo vệ hàng trăm địa điểm từ các hòn đảo tự nhiên tuyệt đẹp đến các tòa nhà ở các thành phố lớn và di tích cổ. Nếu bạn có dịp viếng thăm địa danh nào trong số nhiều nơi được bảo vệ, bạn sẽ đồng ý rằng nó đáng giá.

Chọn D

32. B

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Từ "this" ở đoạn 2 đề cập đến _____.

- A. văn hóa
- B. quyết định
- C. đất nước
- D. kinh tế học

Thông tin: It can be difficult for governments to choose culture and history over economics. However, if countries always made decisions like this, the majority of the world's ancient sites would end up being destroyed.

Tạm dịch: Chính phủ có thể gặp khó khi lựa chọn giữa văn hóa và lịch sử thay vì kinh tế. Tuy nhiên, nếu các quốc gia luôn đưa ra quyết định như thế này, phần lớn các địa điểm cổ đại trên thế giới cuối cùng sẽ bị phá hủy.

Ở đây “this” chỉ quyết định lựa chọn văn hóa và lịch sử thay vì kinh tế.

Chọn B

33. C

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Câu đầu tiên của đoạn 2 có nghĩa là gì?

- A. Hầu hết các chính phủ sẽ thích bán đi kho báu của họ.
- B. Tiền đôi khi có vẻ quan trọng hơn tất cả những thứ khác.
- C. Các chính phủ không bao giờ có thể cân nhắc hai thứ ngay lập tức.
- D. Các chính phủ thường không biết gì về văn hóa của họ.

Thông tin: It can be difficult for governments to choose culture and history over economics.

Tạm dịch: Chính phủ có thể gặp khó khi lựa chọn giữa văn hóa và lịch sử thay vì kinh tế.

=> Các chính phủ không thể cân nhắc ngay lập tức.

Chọn C

34. A

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Tại sao UNESCO tham gia vào vụ việc ở Ai Cập?

- A. Ai Cập đã lên kế hoạch xây dựng một con đập có thể gây hại cho những ngôi đền cổ.
- B. Ai Cập đã lên kế hoạch xây dựng một thung lũng cho nông nghiệp và điện.
- C. Ai Cập đã lên kế hoạch tạo ra một con đập ngay trên đỉnh của một ngôi đền cổ.
- D. Khi đập tràn vào một thung lũng, một số kho báu đã được phát hiện.

Thông tin: In 1959, the government of Egypt was working on a plan to build a dam on the River Nile. It was called the Aswan Dam, and it was intended to generate electricity and allow the river water to be used for agriculture. There was one big problem with the plan, though. The dam would flood a nearby valley that contained ancient Egyptian treasures, including two enormous stone temples.

Tạm dịch: Năm 1959, chính phủ Ai Cập đang thực hiện kế hoạch xây dựng một con đập trên sông Nile. Nó được gọi là đập Aswan, và nó được dự định để tạo ra điện và cho phép nước sông được sử dụng cho nông nghiệp. Mặc dù vậy, có một vấn đề lớn với kế hoạch. Con đập sẽ làm ngập một thung lũng gần đó chứa kho báu của người Ai Cập cổ đại, bao gồm hai ngôi đền đá khổng lồ.

Chọn A

35. D

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Tại sao Tổ chức Di sản Thế giới bây giờ quan trọng hơn hơn 200 năm trước?

- A. Trong quá khứ các quốc gia không hợp tác.
- B. Các thành phố hồi đó nhỏ hơn.
- C. Không có nhiều địa điểm thú vị vào 200 năm trước.
- D. Kinh doanh và sản xuất hiện đại đang thay đổi thế giới.

Thông tin: With industrialisation changing the world rapidly, there were many sites that needed to be saved. Eventually, UNESCO formed the World Heritage Organisation to protect important natural and historic sites wherever it was necessary.

Tạm dịch: Với sự công nghiệp hóa đang thay đổi thế giới nhanh chóng, có rất nhiều địa danh cần được lưu lại. Cuối cùng, UNESCO đã thành lập Tổ chức Di sản Thế giới để bảo vệ các địa điểm tự nhiên và lịch sử quan trọng ở bất cứ nơi nào cần thiết.

Chọn D

Dịch bài đọc:

Năm 1959, chính phủ Ai Cập đang thực hiện kế hoạch xây dựng một con đập trên sông Nile. Nó được gọi là đập Aswan, và nó được dự định để tạo ra điện và cho phép nước sông được sử dụng cho nông nghiệp. Mặc dù vậy, có một vấn đề lớn với kế hoạch. Con đập sẽ làm ngập một thung lũng gần đó chứa kho báu của người Ai Cập cổ đại, bao gồm hai ngôi đền đá khổng lồ.

Chính phủ có thể gặp khó khi lựa chọn giữa văn hóa và lịch sử thay vì kinh tế. Tuy nhiên, nếu các quốc gia luôn đưa ra quyết định như thế này, phần lớn các địa điểm cổ đại trên thế giới cuối cùng sẽ bị phá hủy. May mắn thay, UNESCO tham gia vào. Họ đã thành lập một ủy ban cố gắng thuyết phục Ai Cập bảo vệ kho báu cổ xưa của mình. Với sự hỗ trợ từ nhiều quốc gia, cuối cùng họ đã thành công. Những ngôi đền khổng lồ đã được gỡ bỏ cẩn thận khỏi vị trí ban đầu của chúng và di chuyển đến một vị trí an toàn để con đập có thể được xây dựng.

Sau thành công của họ trong việc cứu các ngôi đền ở Ai Cập, UNESCO đã tiếp tục cứu nhiều địa điểm hơn trên khắp thế giới. Họ bảo vệ đầm phá ở Venice, tàn tích ở Pakistan và đền thờ ở Indonesia. Với sự công nghiệp hóa đang thay đổi thế giới nhanh chóng, có rất nhiều địa danh cần được lưu lại. Cuối cùng, UNESCO đã thành lập Tổ chức Di sản Thế giới để bảo vệ các địa điểm tự nhiên và lịch sử quan trọng ở bất cứ nơi nào cần thiết.

Đến nay, Tổ chức Di sản Thế giới đã bảo vệ hàng trăm địa điểm từ các hòn đảo tự nhiên tuyệt đẹp đến các tòa nhà ở các thành phố lớn và di tích cổ. Nếu bạn có dịp viếng thăm địa danh nào trong số nhiều nơi được bảo vệ, bạn sẽ đồng ý rằng nó đáng giá.

36.

Kiến thức: Câu điều kiện loại 1

Giải thích:

Câu điều kiện loại 0 diễn tả sự thật hiển nhiên đúng.

Ngữ cảnh: Ấn nút thì máy dừng lại => giả thiết có thật ở hiện tại.

Cấu trúc: If + S + V(s,es), S + V(s/es)

Đáp án: If you press this button, the machine stops.

Tạm dịch: Bạn ấn cái nút này để dừng máy lại.

= Nếu bạn ấn cái nút này, cái máy sẽ dừng lại.

37.

Kiến thức: Câu gián tiếp

Giải thích: Cấu trúc: S + advised + O + (not) to + V: khuyên ai nên làm gì

Đáp án: The doctor advised me to lose weight.

Tạm dịch: Bác sĩ nói với tôi “Bạn nên giảm cân.”

= Bác sĩ khuyên tôi nên giảm cân.

38.

Kiến thức: Câu gián tiếp

Giải thích:

Cấu trúc: S + apologized + to + O + for (not) + V.ing: xin lỗi ai vì đã (không) làm gì

Một số thay đổi:

- your birthday party => his birthday party

- next Saturday evening => the next/ following Saturday evening

Đáp án: Mary apologized to Jack for not going to his birthday party the next Saturday evening.

Tạm dịch: Mary nói “Mình không thể đến bữa tiệc sinh nhật của bạn vào tối thứ 7 tới, Jack à.”

= Mary xin lỗi vì không đến bữa tiệc sinh nhật của Jack vào tối thứ bảy tuần sau.

39.

Kiến thức: Phân từ hoàn thành

Giải thích:

Khi hai mệnh đề có cùng chủ ngữ, có thể rút gọn bằng cách:

- Lược bỏ một chủ ngữ

- Chuyển động từ về dạng “V.ing” khi mệnh đề mang nghĩa chủ động

Khi mệnh đề được rút gọn xảy ra trước => dùng cụm “Having V.p.p”

Đáp án: Having read the stories about people who reduced their carbon footprint, we started to change our daily consumption habits.

Tạm dịch: Sau khi chúng tôi đọc xong những câu chuyện về những người giảm lượng khí thải carbon của họ, chúng tôi bắt đầu thay đổi thói quen tiêu dùng hàng ngày.

= Đọc xong những câu chuyện về những người giảm lượng khí thải carbon của họ, chúng tôi bắt đầu thay đổi thói quen tiêu dùng hàng ngày.

40.

Kiến thức: to V/ V.ing

Giải thích:

Cấu trúc: It takes O + time + to V = S + spend + time (on) Ving: dành thời gian để làm gì

Đáp án: It took Chiara years to pass the First Certificate exam.

Tạm dịch: Chiara đã mất nhiều năm để vượt qua kỳ thi Chứng chỉ đầu tiên.